kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 3 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: HÓA HỌC - LỚP 10

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 13/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: H10.CK1.027

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong công thức Lewis thoả mãn quy tắc octet của perchloric acid ($HClO_4$) có liên kết cho - nhận. Liên kết cho - nhận là liên kết trong đó

A. cặp electron dùng chung do một nguyên tử đóng góp cả hai electron

B. mỗi nguyên tử đóng góp một electron vào cặp dùng chung

C. các electron hoá trị chuyển động tự do giữa các nguyên tử

D. một nguyên tử nhường hẳn electron cho nguyên tử kia

Câu 2. Trong chu kì 3, đi từ sodium (Na, $Z = 11$) đến phosphorus (P, $Z = 15$) theo chiều tăng dần điện tích hạt nhân, độ âm điện của các nguyên tố

A. giảm dần **B.** không đổi **C.** tăng dần **D.** giảm rồi tăng

Câu 3. Lớp vỏ nguyên tử được tạo nên từ

A. các neutron chuyển động quanh hạt nhân.

B. các proton chuyển động quanh hạt nhân.

C. các electron chuyển động quanh hạt nhân.

D. các proton và neutron.

Câu 4. Bốn thẻ dữ liệu dưới đây được ghi cho **cùng một** mẫu nguyên tố. Nhật kí phòng thí nghiệm xác nhận **đúng một** thẻ bị chép nhầm từ mẫu bên cạnh, nhưng không ghi thẻ nào.

Bản ghi	Nội dung
$R1$	Ion bền của mẫu là R^{2+}, có cấu hình electron $1s^2\ 2s^2\ 2p^6\ 3s^2\ 3p^6$.
$R2$	Mẫu thuộc chu kì 4.
$R3$	Oxide cao nhất của mẫu có dạng R_2O (với R là kí hiệu của mẫu).
$R4$	So với Na, bán kính nguyên tử của mẫu LỚN HƠN.

Các nguyên tố ứng viên là K, Ca. Vị trí của chúng và của nguyên tố mốc Na trên bảng tuần hoàn rút gọn:

Chu kì	Nhóm IA	Nhóm IIA
3	Na (mốc)	Mg
4	K (ứng viên)	Ca (ứng viên)

Quy ước dùng trong bài (chỉ dùng đúng những gì ghi ở đây):

Quy ước	Nội dung
Ion bền	Nguyên tố nhóm IA đến IIIA nhường hết electron lớp ngoài cùng; nguyên tố nhóm VA đến VIIA nhận thêm electron cho đủ tám.
Oxide cao nhất	Nhóm IA: R_2O IIA: RO IIIA: R_2O_3 VA: R_2O_5 VIA: RO_3 VIIA: R_2O_7.
Xu hướng	Trong cùng chu kì, Z tăng thì bán kính nguyên tử giảm và độ âm điện tăng. Trong cùng nhóm A, Z tăng thì bán kính nguyên tử tăng và độ âm điện giảm.
So sánh hợp lệ	Chỉ so xu hướng giữa hai nguyên tố CÙNG chu kì hoặc CÙNG nhóm A; ngoài hai trường hợp đó thì không kết luận được.

Hỏi: cặp nào gồm nguyên tố của mẫu và mã thẻ bị chép nhầm?

A. Mẫu là Ca bản ghi bị chép nhầm là $R4$.
B. Mẫu là K bản ghi bị chép nhầm là $R1$.
C. Mẫu là Ca bản ghi bị chép nhầm là $R3$.
D. Mẫu là K bản ghi bị chép nhầm là $R3$.

Câu 5. Orbital nguyên tử là

A. vùng không gian quanh hạt nhân mà xác suất tìm thấy electron là lớn nhất.
B. lớp vỏ ngoài cùng của nguyên tử.
C. quỹ đạo tròn mà electron chuyển động quanh hạt nhân.
D. vùng không gian chứa hạt nhân nguyên tử.

Câu 6. Lắp xong mô hình rỗng của ammonia (NH_3), phân tử ấy có dạng hình học

A. thẳng **B.** tam giác phẳng **C.** gấp khúc **D.** chóp tam giác

Câu 7. Người lập bảng liệt kê ba mươi ba chất khi ấy được coi là nguyên tố là

A. Glenn Seaborg **B.** Antoine Lavoisier **C.** Lothar Meyer **D.** John Newlands

Câu 8. Liên kết trong hợp chất BaO được hình thành nhờ

A. sự góp chung các cặp electron giữa hai nguyên tử
B. sự dùng chung electron do một nguyên tử đóng góp
C. lực hút giữa hạt nhân nguyên tử này với hạt nhân nguyên tử kia
D. lực hút tĩnh điện giữa các ion mang điện trái dấu

Câu 9. Nguyên tử chlorine $(\mathrm{Cl}, Z = 17)$ có 7 electron ở lớp ngoài cùng. Ion Cl^- có cấu hình electron giống nguyên tử khí hiếm nào?

A. Ar **B.** Kr **C.** He **D.** Ne

Câu 10. Tinh thể $\mathrm{K_2O}$ (potassium oxide) gồm các ion K^+ và O^{2-} sắp xếp trật tự theo mạng kiểu antifluorite. Một mẩu tinh thể ấy chứa 18 ion K^+. Số ion O^{2-} trong mẩu tinh thể là

A. 18 **B.** 36 **C.** 72 **D.** 9